

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000325

Trang : 1/2

Môn học: **Đo lường điện và thiết bị đo (228016) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **26/08/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D6-36**

Số SV có mặt: **28**

Số bài thi: **28**

Số tờ giấy thi: **28**

Cán bộ coi thi 1 <i>Lưu</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Trần Thị Kiên Quỳ</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Văn Phước</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Trần Thị Kiên Quỳ</i>
--------------------------------	--	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120150002	LÊ TUẤN ANH	11/08/2002	CCQ2015A		169	<i>A</i>	8.5	6.0	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120150001	VÕ ĐỨC ANH	17/08/2002	CCQ2015A		245	<i>Au</i>	6.6	4.0	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120150050	NGUYỄN MINH CUNG	14/08/2002	CCQ2015B		326	<i>Cung</i>	7.2	3.5	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120150037	VÕ PHƯƠNG ĐÌNH	08/04/2002	CCQ2015B		493	<i>Đình</i>	6.2	5.0	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120150011	TẠ HUY HÙNG	15/07/1998	CCQ2015A		169	<i>H</i>	9.5	6.0	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120150051	VÕ THÀNH HUY	05/11/2002	CCQ2015B		245	<i>Thư</i>	5.4	6.5	6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120150038	LÊ TRỌNG HỮU	30/11/2002	CCQ2015B		326	<i>Huu</i>	8.6	7.0	7.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120150012	LÊ TRƯƠNG NHẬT KHA	01/10/2001	CCQ2015A		493	<i>K</i>	5.1	6.5	5.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120150014	NGUYỄN MINH KHÁNH	03/08/2002	CCQ2015A		245	<i>Kh</i>	5.4	6.0	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120170607	NGUYỄN TẤN KHOA	26/01/2002	CCQ2014B				5.8			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2119150073	LÊ THANH LỰC	12/09/2001	CCQ1915C				Cấm Thi			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120150017	TRẦN CÔNG MẠNH	06/05/2002	CCQ2015A		169	<i>Manh</i>	5.2	6.0	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2118050099	CHẾ LÊ MINH	07/04/2000	CCQ1805B		169	<i>Minh</i>	8.0	7.0	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2119050019	CAO THÁI PHI	19/08/2001	CCQ1915C		326	<i>Phi</i>	6.5	5.5	5.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120150039	BÙI LƯƠNG VĂN PHÚC	24/09/2002	CCQ2015B		245	<i>Phuc</i>	6.6	7.0	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120150052	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	26/06/2001	CCQ2015B		326	<i>Phuc</i>	8.0	7.5	7.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120150044	NGUYỄN DUY QUANG	19/09/1999	CCQ2015B		493	<i>Quang</i>	6.5	5.5	5.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120150045	VÕ MINH QUÂN	03/01/2002	CCQ2015B		169	<i>Quân</i>	8.6	6.0	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120150024	NGUYỄN NGỌC QUYÊN	11/02/2002	CCQ2015A		245	<i>Quyên</i>	7.8	6.5	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120150025	NGUYỄN NGỌC SƠN	05/02/2002	CCQ2015A		326	<i>Son</i>	8.9	8.0	8.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000325

Trang : 2/2

Môn học: **Đo lường điện và thiết bị đo (228016) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **26/08/2022**

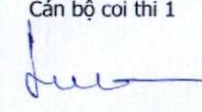
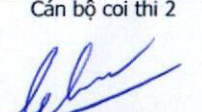
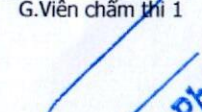
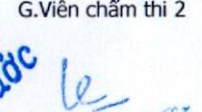
Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D6-36**

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Văn Phước	Cán bộ coi thi 2  Trần Thị Liên Quỳnh	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Văn Phước	G.Viên chấm thi 2  Nguyễn Văn Phước
---	--	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120150026	NGUYỄN VĂN TÂN	02/05/2002	CCQ2015A		493		5.7	4.5	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120150027	NGUYỄN MINH THANH	15/08/2002	CCQ2015A		493	Thanh	6.0	5.0	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120150053	TRẦN ĐÌNH THÀNH	13/04/2002	CCQ2015B		169	Thành	6.6	5.5	5.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120150028	LÊ XUÂN THƯƠNG	29/08/2001	CCQ2015A		245	Thương	5.2	5.5	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2118060039	NGUYỄN CHÂU TRỌNG	07/11/2000	CCQ1805C				Cấm Thi			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120150047	NGUYỄN VĂN TRUNG	16/08/2002	CCQ2015B		326	Trung	8.8	7.0	7.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121150064	NGUYỄN ĐÌNH TÚ	09/09/2002	CCQ2115B				Cấm Thi			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120150032	PHẠM HUỲNH ANH TÚ	05/05/2002	CCQ2015A		493	Tú	8.7	5.0	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120150054	BÙI MINH TUẤN	01/09/2002	CCQ2015B		493	Tuấn	8.8	7.5	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120110033	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	04/10/2002	CCQ2015B		169	Tuấn	6.6	6.0	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120150033	HỒ ĐỨC VINH	10/03/2002	CCQ2015A		245	Vinh	5.8	4.5	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2120150034	HUỲNH HOÀNG VINH	10/04/2002	CCQ2015A				Cấm Thi			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120150035	TRẦN QUỐC VŨ	20/06/2002	CCQ2015A		326	Vũ	5.5	6.5	6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9